

## 裁判救濟程序

### Điều khoản hướng dẫn trình tự khiếu nại bằng văn bản đối với phán quyết

#### 壹、智慧財產法院之教示條款（民事訴訟事件）

#### Điều khoản hướng dẫn của Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ (Vụ việc tố tụng dân sự)

311 得上訴

311 Được kháng cáo

如不服本判決，應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，其未表明上訴理由者，應於提出上訴後 20 日內向本院補提理由書狀（均須按他造當事人之人數附繕本），上訴時應提出委任律師或具有律師資格之人之委任狀；委任有律師資格者，應另附具律師資格證書及釋明委任人與受任人有民事訴訟法第 466 條之 1 第 1 項但書或第 2 項（詳附註）所定關係之釋明文書影本。如委任律師提起上訴者，應一併繳納上訴審裁判費。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, nếu chưa nêu rõ lý do kháng cáo, sau khi đã đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn nêu rõ lý do cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), khi kháng cáo phải đưa ra giấy ủy nhiệm luật sư hoặc giấy ủy nhiệm người có tư cách luật sư; ủy nhiệm người có tư cách luật sư, còn phải đính kèm bản sao của giấy chứng nhận tư cách luật sư và bản sao của văn bản có nêu rõ mối quan hệ giữa người ủy nhiệm và người được ủy nhiệm theo điều khoản ngoại lệ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 điều 466-1 luật tố tụng dân sự (chú giải chi tiết). Nếu đã ủy quyền cho luật sư đưa ra kháng cáo, thì phải đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo.

附註：

Chú thích:

民事訴訟法第 466 條之 1 (第 1 項、第 2 項)

Điều 466-1 luật tố tụng dân sự (khoản 1, khoản 2)

對於第二審判決上訴，上訴人應委任律師為訴訟代理人。但上訴人或其法定代理人具有律師資格者，不在此限。

Có kháng cáo về phán quyết phúc thẩm, Người kháng cáo phải ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng. Nhưng Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật là đã có tư cách luật sư, thì không bị giới hạn.

上訴人之配偶、三親等內之血親、二親等內之姻親，或上訴人為法人、中央或地方機關時，其所屬專任人員具有律師資格並經法院認為適當者，亦得為第三審訴訟代理人。

Vợ/Chồng hoặc là người thân thích có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời hoặc là người thân thích có mối quan hệ hôn nhân trong phạm vi hai đời với Người kháng cáo có tư cách luật sư, hoặc bên kháng cáo là Pháp nhân, Cơ quan trung ương hoặc địa phương có chuyên viên có tư cách luật sư và đã được Tòa án nhận định phù hợp, đều có thể làm Người đại diện tố tụng để tham gia phiên xét xử lần thứ ba.

312 不得上訴

312 Không được kháng cáo

本件不得上訴。

Không được kháng cáo trong vụ án này.

313 得抗告

313 Được kháng cáo

如不服本裁定，應於送達後 10 日內向本院提出抗告狀，並繳納抗告費新臺幣 1,000 元。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, và nộp 1.000 Đài tệ làm phí kháng cáo.

314 不得抗告

314 Không được kháng cáo

本件不得抗告。

Không được kháng cáo trong vụ án này.

315 不得抗告 (核發秘密保持命令裁定)

315 Không được kháng cáo (Phán quyết cấp lệnh giữ bí mật)

本件不得抗告。

Không được kháng cáo trong vụ án này.

本秘密保持命令，自本命令送達相對人時起發生效力。

Lệnh giữ bí mật này phát sinh hiệu lực ngay khi tổng đạt.

316 再抗告

316 Kháng cáo lần nữa

本裁定除以適用法規顯有錯誤為理由外，不得再抗告。如提起再抗告，應於收受後 10 日內委任律師為代理人向本院提出再抗告狀。並繳納再抗告費新台幣 1 千元。

Ngoại trừ lý do khi quy định pháp luật có sai sót rõ ràng, nếu không được kháng cáo lần nữa. Nếu đưa ra kháng cáo lần nữa, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 10 ngày phải ủy nhiệm luật sư làm người đại diện để nộp đơn kháng cáo lần nữa cho Tòa án, và nộp 1.000 Đài tệ làm phí kháng cáo.

317 部分不得抗告、部分得抗告

317 Phần không được kháng cáo, phần được kháng cáo

就准許部分不得聲明不服；就駁回部分如不服本裁定，應於送達後 10 日內向本院提出抗告狀，並繳納抗告費新臺幣 1,000 元。

Không được bày tỏ không chấp thuận về phần nào đó được cho phép; nếu không đồng ý với phán quyết về phần nào đó bị bác bỏ, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, và nộp 1.000 Đài tệ làm phí kháng cáo.

318 得異議

318 Được chống án

不服本裁定者，應於送達後 10 日內，以書狀向司法事務官提出異議。

Không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong

thời hạn 10 ngày phải nộp đơn chống án bằng văn bản cho cán bộ tư pháp.

## 貳、智慧財產法院之教示條款（刑事訴訟案件）

### Điều khoản hướng dẫn tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ (Vụ án tố tụng hình sự)

319 得上訴

319 Được kháng cáo

如不服本判決應於收受本判決後 10 日內向本院提出上訴書狀，其未敘述上訴理由者，並得於提起上訴後 10 日內向本院補提理由書狀（均須按他造當事人之人數附繕本）『切勿逕送上級法院』。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, khi chưa nêu rõ lý do kháng cáo, sau khi đã đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 10 ngày phải bổ sung đơn nêu rõ lý do cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia) Không trực tiếp nộp đơn vượt cấp của Tòa án.

320 得上訴（不得上訴第三審判決之例外情形）

320 Được kháng cáo (có trường hợp ngoại lệ là khi không được kháng cáo phán quyết của lần thứ ba)

依刑事訴訟法第 376 條第 1 項但書規定，被告或得為被告利益上訴之人，如不服本判決，應於收受送達後 10 日內向本院提出上訴書狀，其未敘述上訴之理由者並得於提起上訴後 10 日內向本院補提理由書（均須按他造當事人之人數附繕本）「切勿逕送上級法院」。

Căn cứ theo điều khoản ngoại lệ quy định tại khoản 1 điều 376 luật tố tụng hình sự, Bị cáo hoặc người nào đó vì lợi ích của Bị cáo mà kháng cáo, khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, khi chưa nêu rõ lý do kháng cáo, sau khi đã đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 10 ngày phải bổ sung đơn nêu rõ lý do cho Tòa án (đều phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia). Không trực tiếp nộp đơn vượt cấp của Tòa án.

321 不得上訴

321 Không được kháng cáo

本件不得上訴。

Không được kháng cáo trong vụ án này.

322 得抗告

322 Được kháng cáo

如不服本裁定，應於裁定送達後 5 日內向本院提出抗告狀。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 5 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án.

323 得再抗告

323 Được kháng cáo lần nữa

如不服本裁定，應於收受送達後 5 日內向本院提出再抗告狀。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 5 ngày phải nộp đơn kháng cáo lần nữa cho Tòa án.

324 不得抗告

324 Không được kháng cáo

本件不得抗告。

Không được kháng cáo trong vụ án này.

325 不得再抗告

325 Không được kháng cáo lần nữa

本件不得再抗告。

Không được kháng cáo lần nữa trong vụ án này.

### 參、智慧財產法院之教示條款（行政訴訟事件）

#### Điều khoản hướng dẫn tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ (Vụ việc tố tụng hành chính)

326 得上訴

326 Được kháng cáo

如不服本判決，應於送達後 20 日內，向本院提出上訴狀並表明上訴理由，其未表明上訴理由者，應於提起上訴後 20 日內向本院補提上訴理由書；如於本判決宣示後送達前提起上訴者，應於判決送達後 20 日內補提上訴理由書（均須按他造人數附繕本）。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo, khi chưa nêu rõ lý do kháng cáo, sau khi đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn trình bày lý do kháng cáo cho Tòa án; nếu nộp đơn kháng cáo sau khi phán quyết này đã được đưa ra và trước khi tổng đạt, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phán quyết phải bổ sung đơn trình bày lý do kháng cáo (đều phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia).

上訴時應委任律師為訴訟代理人，並提出委任書（行政訴訟法第 241 條之 1 第 1 項前段），但符合下列情形者，得例外不委任律師為訴訟代理人（同條第 1 項但書、第 2 項）。

Khi kháng cáo phải ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng, và đưa ra giấy ủy nhiệm (đoạn văn trên của khoản 1 điều 241-1 Luật tố tụng hành chính), nhưng các trường hợp sau đây được ngoại lệ không cần ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng (điều khoản ngoại lệ tại khoản 1, khoản 2 điều 241-1 Luật tố tụng hành chính)

得不委任律師為 訴訟代理人之情 形 Trường hợp không	所需要件 Điều kiện cần thiết
---	-----------------------------

<p>cần ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng</p>	
<p>(一)符合右列情形之一者，得不委任律師為訴訟代理人 Phù hợp một trong các điều kiện nêu tại ô bên phải, thì không cần ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. 上訴人或其法定代理人具備律師資格或為教育部審定合格之大學或獨立學院公法學教授、副教授者。 Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo là người đã có tư cách luật sư hoặc là giáo sư, phó giáo sư giảng dạy môn luật tại trường đại học hoặc học viện độc lập đã được Bộ Giáo dục thẩm định đạt chuẩn.</li> <li>2. 稅務行政事件，上訴人或其法定代理人具備會計師資格者。 Vụ việc hành chính về thuế, Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo là người đã có tư cách hành nghề kế toán.</li> <li>3. 專利行政事件，上訴人或其法定代理人具備專利師資格或依法得為專利代理人者。 Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo là người có bằng chuyên viên sáng chế hoặc là Người đại diện về độc quyền sáng chế căn cứ theo quy định của pháp luật.</li> </ol>
<p>(二)非律師具有右列情形之一，經最高行政法院認為適當者，亦得為上訴審訴訟代理人 Người không phải là luật sư nhưng phù hợp một trong các điều kiện nêu tại ô bên phải, đồng</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. 上訴人之配偶、三親等內之血親、二親等內之姻親具備律師資格者。 Người có tư cách luật sư là vợ/chồng hoặc là người thân thích có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời hoặc là người thân thích có mối quan hệ hôn nhân trong phạm vi hai đời với Người kháng cáo.</li> <li>2. 稅務行政事件，具備會計師資格者。 Vụ việc hành chính về thuế, người đã có tư cách hành nghề kế toán.</li> </ol>



<p>thời được Tòa án hành chính tối cao nhận định có tư cách phù hợp, cũng có thể làm Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo.</p>	<p>3. 專利行政事件，具備專利師資格或依法得為專利代理人者。</p> <p>Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, người có bằng chuyên viên sáng chế hoặc là Người đại diện về độc quyền sáng chế căn cứ theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. 上訴人為公法人、中央或地方機關、公法上之非法人團體時，其所屬專任人員辦理法制、法務、訴願業務或與訴訟事件相關業務者。</p> <p>Khi bên kháng cáo không phải là đoàn thể pháp nhân mà là tổ chức công quyền, cơ quan trung ương hoặc địa phương, có nhân viên chuyên trách thực hiện công tác nghiệp vụ pháp chế, pháp vụ, khiếu nại hoặc các nghiệp vụ liên quan đến vụ việc tố tụng.</p>
<p>是否符合(一)、(二)之情形，而得為強制律師代理之例外，上訴人應於提起上訴或委任時釋明之，並提出(二)所示關係之釋明文書影本及委任書。</p> <p>Phù hợp điều kiện tại điểm (1) hoặc (2), là trường hợp ngoại lệ trong yêu cầu buộc phải có luật sư làm Người đại diện tố tụng, Người kháng cáo phải nêu rõ khi đưa ra kháng cáo hoặc ủy nhiệm, đồng thời phải đưa ra bản sao của văn bản có nêu rõ về mối quan hệ nêu tại điểm (2) và giấy ủy nhiệm.</p>	

327 得抗告

327 Được kháng cáo

如不服本裁定，應於送達後 10 日內向本院提出抗告狀（須按他造人數附繕本）。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia).

328 不得抗告

328 Không được kháng cáo

不得抗告。

Không được kháng cáo.

329 **不得抗告** (核發秘密保持命令裁定)

329 **Không được kháng cáo** (Phán quyết cấp lệnh giữ bí mật)

不得抗告。

Không được kháng cáo.

本秘密保持命令，自本命令送達相對人時起發生效力。

Lệnh giữ bí mật này phát sinh hiệu lực ngay khi tổng đạt.

受秘密保持命令之人，其住所或居所有遷移時，應向法院陳明。

Người nào đó phải nhận Lệnh giữ bí mật, khi di chuyển khỏi nơi thường trú hoặc là nơi cư trú, phải thông báo cho Tòa án biết.

330 **部分不得抗告、部分得抗告** (核發秘密保持命令裁定)

330 **Phần không được kháng cáo, phần được kháng cáo** (Phán quyết cấp lệnh giữ bí mật)

本裁定准許秘密保持命令部分不得抗告，駁回秘密保持命令部分得於十日內抗告。

Phán quyết này cho phép không được kháng cáo Lệnh giữ bí mật, bác bỏ Lệnh giữ bí mật phải kháng cáo trong thời hạn 10 ngày.

本秘密保持命令，自本命令送達相對人時起發生效力。

Lệnh giữ bí mật này phát sinh hiệu lực ngay khi tổng đạt.

受秘密保持命令之人，其住所或居所有遷移時，應向法院陳明。

Người nào đó phải nhận Lệnh giữ bí mật, khi di chuyển khỏi nơi thường trú hoặc là nơi cư trú, phải thông báo cho Tòa án biết.

331 **不得聲明不服**

331 **Không được bày tỏ không chấp thuận**

不得聲明不服。

Không được bày tỏ không chấp thuận.